

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỜ ĐỎ  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2020/DS-ST  
Ngày: 24-9-2020  
V/v: “*Tranh chấp  
quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Thành Sang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lương Phát Đạt**
2. Ông **Nguyễn Hoàng Hải**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hoài Thương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông **Lưu Quốc Phú** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thanh D** (tên gọi khác: **Nhơn**), sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, TP.Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Ch**, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, TP.Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Đặng Thị Kim Y**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, TP.Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh D trình bày:**

Nguồn gốc diện tích đất ông Nguyễn Văn U bán (chuyển nhượng) cho anh là của bà Nguyễn Thị B (mẹ ông U). Vào ngày 11/02/2008 ông U được sự đồng ý của bà B đã chuyển nhượng cho anh diện tích đất cấp bờ sáng kinh Đông Pháp có vị trí đầu ngoài giáp kinh Đông Pháp, đầu trong giáp ông Phạm Văn Bé (Chín Bé), một bên giáp ông Bảy Chân (Lê Văn Chân), một bên giáp ông Sáu Triệu (Nguyễn Văn Ch) với giá 20,5 chỉ vàng 24K. Khi chuyển nhượng có làm giấy tay và giấy tay có chữ ký của người bán là ông U, người mua là anh, người thừa kế là bà Bùi Thị Phụ (vợ ông U), người làm chứng là ông Nguyễn Văn Muội và người giáp ranh là Nguyễn Văn Triệu (Nguyễn Văn Ch). Đến năm 2009 bà B mới ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh và sau đó anh đã được Ủy Bn nhân dân huyện Cờ Đỏ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 04/5/2009. Tiếp đó được cấp đổi vào ngày 01/11/2011 cũng với diện tích 1.040m<sup>2</sup> (đất ở 300m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 740m<sup>2</sup>) (vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH00572 do UBND huyện Cờ Đỏ cấp ngày 01/11/2011 cho ông Nguyễn Thanh D).

Do khi chuyển nhượng không có thực hiện việc đo đạc nên anh không biết diện tích thực tế anh được chuyển nhượng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sự chênh lệch. Anh không biết thửa đất 194 không giáp kinh Đông Pháp mà giáp một phần thửa đất 193 của ông Nguyễn Văn Ch, cụ thể là diện tích tranh chấp 91,8m<sup>2</sup>. Vì vậy, anh vẫn sử dụng toàn bộ thửa đất số 194 và diện tích tranh chấp 91,8m<sup>2</sup> mà không có khiếu nại hay khởi kiện gì đối với ông U, ông Ch. Đến năm 2012 ông Ch làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh mới biết và không đồng ý ký vào biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (ký giáp ranh). Do anh không đồng ý nên ông Ch mới viết và ký vào “Tờ cam kết” đề ngày 28/6/2012 với nội dung là sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ làm thủ tục cắt đất trả lại cho anh. Nhưng ông Ch cứ hện nhiều lần mà không trả đất. Cho nên, anh khởi kiện với các yêu cầu:

- Yêu cầu Tòa án công nhận cho anh được quyền sử dụng diện tích đất 91,8m<sup>2</sup> tại phần A (theo bản trích đo địa chính số: 24/TTKTTNMT ngày 05/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ) thuộc thửa 193 tọa lạc tại ấp Đông Mỹ (nay là ấp Đông Thạnh), xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Không tranh chấp với ông Nguyễn Văn Ch diện tích đất 93,8m<sup>2</sup> là phần B (theo bản trích đo địa chính số: 24/TTKTTNMT ngày 05/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ) giáp ranh giữa thửa

193 và thửa 194 tọa lạc tại ấp Đông Mỹ (nay là ấp Đông Thạnh), xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

**Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch trình bày:**

Nguồn gốc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.432m<sup>2</sup> (đất ở 300m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 1.132m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp Đông Mỹ (nay là ấp Đông Thạnh), xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, TP.Cần Thơ (vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH00808 do UBND huyện Cờ Đỏ cấp ngày 04/9/2012 cho hộ ông Nguyễn Văn Ch, cấp thay đổi từ hộ ông Nguyễn Văn Ch sang ông Nguyễn Văn Ch vào ngày 11/9/2017) là của ông Nguyễn Văn Thành (cha vợ - chết), bà Nguyễn Thị B (mẹ vợ - chết) cho vào năm 1980. Đến năm 2012 ông mới đi làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cấp.

Vào năm 2008, ông có ký tên vào giấy tay mua bán đất giữa ông Nguyễn Văn U (em vợ của ông vì bà Nguyễn Thị B là mẹ vợ) với anh Nguyễn Thanh D. Khi bán đất, ông có đứng ra xác định ranh giới, mốc giới thửa đất cho ông U và anh D, ranh giới được ông xác định bằng trụ đá ngoài từ kinh Đông Pháp chạy vô đến hết đất (hai đầu hai trụ đá). Trong giấy tay này có ông Muội chứng kiện, vợ ông U là bà Phụ là người cùng bán.

Vào ngày 28/6/2012 ông ký tên vào “Tờ cam kết” với nội dung Hôm nay vào lúc 09 giờ ngày 28/6/2012 khi tôi làm chứng nhận QSD đất xong ... Ch trách nhiệm trước pháp luật”. Nội dung là là để chuyển nhượng chứ không phải trả đất cho anh D. Việc ông ký tên có ông Dương Văn Được (trưởng ấp) có ký tên chứng kiện (vì ký tại nhà ông Được).

Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông D. Ngoài ra ông yêu cầu phản tố với nội dung là yêu cầu anh Nguyễn Thanh D trả diện tích đất đã lấn chiếm 91,8m<sup>2</sup> tại phần A (theo bản trích đo địa chính số: 24/TTKTTNMT ngày 05/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ) thuộc thửa 193 tọa lạc tại ấp Đông Mỹ (nay là ấp Đông Thạnh), xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Văn Ch đứng tên quyền sử dụng đất. Đồng thời ông yêu cầu anh D phải di dời, tháo dỡ các công trình, kiến trúc, cây trồng có trên đất để trả lại đất.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Kim Y trình bày:**

Thông nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Thanh D về nguồn gốc và việc nhận chuyển nhượng, quá trình sử dụng thửa đất số 194 và diện tích tranh chấp 91,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Đông Mỹ (nay là ấp Đông Thạnh), xã Đông Hiệp,

huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Nay chị cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của anh D.

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua xem xét và đánh giá toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã đủ cơ sở xác định diện tích tranh chấp 91,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Đông Mỹ (nay là ấp Đông Thạnh), xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ giữa anh Nguyễn Thanh D và ông Nguyễn Văn Ch mặc dù thuộc thửa đất 193 do ông Ch đứng tên quyền sử dụng đất, nhưng ông Ch không có sử dụng diện tích đất này mà do bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn U, anh Nguyễn Thanh D lần lượt sử dụng thông qua khai mở, tặng cho, chuyển nhượng. Cho nên, căn cứ Điều 49 Luật Đất đai năm 2003, các Điều 158, 221, 223 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh D, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Ch.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh D khởi kiện ông Nguyễn Văn Ch có địa chỉ tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ với yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất do ông Ch đứng tên quyền sử dụng đất nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh D khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận cho anh được quyền sử dụng diện tích đất 91,8m<sup>2</sup> tại phần A (theo bản trích đo địa chính số: 24/TTKTTNMT ngày 05/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ) thuộc thửa 193 tọa lạc tại ấp Đông Mỹ (nay là ấp Đông Thạnh), xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Văn Ch đứng tên quyền sử dụng đất, bị đơn ông Nguyễn Văn Ch phản tố yêu cầu anh Nguyễn Thanh D trả diện tích đất 91,8m<sup>2</sup> tại phần A này. Qua hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 194 của anh

D và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 193 của ông Ch, nhận thấy diện tích tranh chấp 91,8m<sup>2</sup> tại phần A thuộc thửa 193 do ông Ch đứng tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy,

[2.1.1] Vào ngày 11/02/2008, ông Nguyễn Văn U là con trai bà Nguyễn Thị B chuyển nhượng cho anh Nguyễn Thanh D diện tích đất cấp bờ sáng kinh Đông Pháp có vị trí đầu ngoài giáp kinh Đông Pháp, đầu trong giáp ông Phạm Văn Bé (Chín Bé), một bên giáp ông Bảy Chân (Lê Văn Chân), một bên giáp ông Sáu Triệu (Nguyễn Văn Ch). Khi chuyển nhượng có làm giấy tay và giấy tay có chữ ký của ông U, anh D, người thừa kế là bà Bùi Thị Phụ (vợ ông U), người làm chứng là ông Nguyễn Văn Muội và người giáp ranh là Nguyễn Văn Triệu (Nguyễn Văn Ch). Theo lời khai và thừa nhận của ông Ch, ranh giới, mốc giới giữa diện tích đất ông U chuyển nhượng cho anh D và thửa đất 194 của ông được ông xác định là từ giáp kinh Đông Pháp thẳng đến giáp đất ông Bé, việc này được các bên thể hiện bằng hai trụ đá ở hai đầu.

[2.1.2] Đối với thửa đất số 193 do ông Nguyễn Văn Ch đứng tên quyền sử dụng đất: Vào năm 2012 khi ông Ch làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Ch thừa nhận do một phần diện tích đất thửa 193 có vị trí phía trước nhà anh D (diện tích tranh chấp hiện nay) do anh D sử dụng, anh D không đồng ý ký giáp ranh nên ông có viết “Tờ cam kết” đề ngày 28/6/2012 để anh D đồng ý ký giáp ranh cho ông. Khi viết và ký vào “Tờ cam kết” có ông Dương Văn Được là Trưởng ấp lúc bấy giờ chứng kiến và xác nhận. Qua lời khai của ông Ch, ông Ch chỉ thừa nhận nội dung của “Tờ cam kết” là để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh D. Xét nội dung “Tờ cam kết”, ông Ch cam kết khi nào làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong sẽ chuyển quyền sử dụng đất lại cho anh D. Tuy nội dung ghi chuyển quyền sử dụng đất là không rõ chuyển nhượng hay chuyển trả lại đất nhưng qua lời khai của ông Được, ông Được xác định là ông Ch đồng ý trả đất cho anh D. Hơn nữa, tại phiên hòa giải ngày 12/4/2019 của Ủy Bn nhân dân xã Đông Hiệp, ông Ch cũng thống nhất trả đất lại cho anh D, nhưng chỉ với điều kiện là anh D phải Ch mọi chi phí tách thửa, chứ không có nội dung nào ghi tiền chuyển nhượng. Do đó, Hội đồng xét xử đánh giá nội dung của “Tờ cam kết” là ông Ch đồng ý trả đất cho anh D chứ không phải đồng ý chuyển nhượng cho anh D như ông Ch trình bày.

[2.1.3] Trước khi ông Nguyễn Văn Ch được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Ch không biết diện tích đất tranh chấp 91,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất

193, bởi nếu biết ông đã không xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và đồng ý cho ông U chuyển nhượng cho anh D, sau khi anh D nhận chuyển nhượng đến nay, anh D trực tiếp sử dụng diện tích đất này mà ông Ch không có bất kỳ hành động cản ngăn hay khiếu nại, khởi kiện gì, chỉ khi anh D khởi kiện ông, ông mới khởi kiện lại. Và theo lời khai của ông Nguyễn Văn Muội, anh Lê Văn Mười, anh Lê Văn U, bà Bùi Thị Truyền đã chứng minh được từ năm 1975 đến nay, ông Ch không có sử dụng diện tích đất này mà do bà B, ông U, anh D lần lượt sử dụng.

[2.1.4] Diện tích  $1.432\text{m}^2$  trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Nguyễn Văn Ch được cấp so với diện tích thực tế  $1.464,6\text{m}^2$  mà ông đang sử dụng (chưa tính diện tích tranh chấp) là thừa  $32,6\text{m}^2$ . Diện tích  $1.040\text{m}^2$  trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh Nguyễn Thanh D được cấp so với diện tích thực tế  $801,7\text{m}^2$  mà anh đang sử dụng (chưa tính diện tích tranh chấp) là thiếu  $238,3\text{m}^2$ .

[2.1.5] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định diện tích tranh chấp  $91,8\text{m}^2$ , có nguồn gốc từ ông Nguyễn Văn Thành, bà Nguyễn Thị B khai mở, sử dụng, sau đó là ông Nguyễn Văn U, anh Nguyễn Thanh D lần lượt sử dụng, ông Nguyễn Văn Ch không có sử dụng. Việc ông Ch được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại diện tích tranh chấp là do cấp nhầm. Trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Thanh D chỉ chuyển nhượng thửa đất 194, nhưng trong thực tế đã chuyển nhượng thửa đất 194 và một phần thửa đất 193 (diện tích tranh chấp  $91,8\text{m}^2$ ). Việc chuyển nhượng này được ông Ch đồng ý bằng việc xác định ranh giới, mốc giới thửa đất. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ch.

[2.2] Do diện tích đất  $91,8\text{m}^2$ , anh D đang sử dụng nên ông Ch không phải giao trả đất cho anh D.

[2.3] Diện tích đất  $93,8\text{m}^2$  tại phần B (theo bản trích đo địa chính số: 24/TTKTTNMT ngày 05/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ) tọa lạc tại ấp Đông Mỹ (nay là ấp Đông Thạnh), xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Văn Ch đang sử dụng. Nay anh Nguyễn Thanh D không tranh chấp và ông Ch cũng không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch phải Ch án phí theo quy định pháp luật.

[2.7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá: Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch phải Ch 8.351.000 đồng. Ông Ch có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền 3.351.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;  
- Căn cứ Điều 49 Luật Đất đai năm 2003;  
- Căn cứ Điều 158; Điều 221; Điều 223 Bộ luật Dân sự năm 2015;  
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh D đối với ông Nguyễn Văn Ch.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Ch đối với anh Nguyễn Thanh D.

Công nhận cho anh Nguyễn Thanh D được quyền sử dụng đất với diện tích đất 91,8m<sup>2</sup> (phần A) (mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 193, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Đông Mỹ (nay là ấp Đông Thạnh), xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ (vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH00808 do UBND huyện Cờ Đỏ cấp ngày 11/9/2017 cho ông Nguyễn Văn Ch).

Vị trí cụ thể có bản trích đo địa chính số: 24/TTKTTNMT ngày 05/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ kèm theo.

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 193 (vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH00808 do UBND huyện Cờ Đỏ cấp ngày 11/9/2017 cho ông Nguyễn Văn Ch) để điều chỉnh theo đúng diện tích đất thực tế ông Nguyễn Văn Ch đang sử dụng.

Anh Nguyễn Thanh D có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 91,8m<sup>2</sup> (mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp Đông Mỹ (nay là ấp Đông Thạnh), xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đối với diện tích đất tại thửa đất số 194 (vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH00572 do UBND huyện Cờ Đỏ cấp ngày 01/11/2011 cho anh Nguyễn Thanh

D), anh Nguyễn Thanh D có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh cho đúng với diện tích thực tế anh D đang sử dụng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Ch phải Ch 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Ch đã nộp theo biên lai số 013075 ngày 19 tháng 3 năm 2020 thành án phí.

Anh Nguyễn Thanh D được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 012989 ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá: Ông Nguyễn Văn Ch phải Ch 8.351.000 đồng. Ông Ch có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh D số tiền 3.351.000 đồng.

5. Tuyên án công khai. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thành Sang**